TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 406/2020/HC-PT
Ngày: 20/11/2020
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Võ Hồng Sơn.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 307/2020/TLPT-HC ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 14/2020/HC-ST ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8222/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Bùi Quang A, sinh năm 1955; Người được ủy quyền: Ông Bùi Ngọc Tr, sinh năm 1945. Đều Trú tại: Thôn B, xã TL, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân (viết tắt: UBND) và Uỷ ban nhân dân tỉnh T; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình X, chức vụ: Chủ tịch; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Q, chức vụ: Phó Chủ tịch; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.2. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân (viết tắt: UBND) và Uỷ ban nhân dân huyện TT, tỉnh Thanh Hóa; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đình M, chức vụ: Chủ

tịch; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc D, chức vụ: Phó Chủ tịch; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn M, chức vụ: Chủ tịch; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Bà Đinh Thị M, sinh năm 1958; vắng mặt.

3.3. Anh Bùi Hồng B, sinh năm 1985; vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn B, xã TL, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Lê Khắc H, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Ông Bùi Quang A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người khởi kiện ông Bùi Quang A trình bày:

Nguồn gốc đất của gia đình ông Bùi Quang A ở thôn Biên, xã TL, huyện TT; sử dụng trước năm 1985 đến nay, không có tranh chấp; chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2004, nhà nước thu hồi đất của gia đình ông A tại các thửa: 159 tờ bản đồ số 6, thửa 166 tờ bản đồ số 7, thửa 201 tờ bản đồ số 8 có tổng diện tích 1.724m^2 để xây dựng đường Hồ Chí Minh. Trong đó có 433m^2 là đất vườn, 1291m^2 là đất trồng cây hàng năm. Gia đình ông A được áp giá đền bù 17.000đồng/m^2 đối với đất vườn và 10.000 đồng/m^2 đối với đất trồng cây hàng năm. Ông A cho rằng diện tích 433m^2 đất tại thửa 166 tờ bản đồ số 07 của gia đình ông là đất mồ mả, không được tính là đất vườn và phải được áp giá theo giá của đất ở. Sau khi nhận tiền bồi thường, gia đình ông A không biết quyền lợi của mình bị thiệt hại, đến năm 2017, nghe nói các hộ dân ở huyện LS, tỉnh Hòa Bình cũng có đất bị thu hồi được bồi thường giá khác, nên ông Bùi Quang A cùng ông Bùi Ngọc Tr đại diện cho 54 hộ dân ở thôn B và thôn Đ và thôn TN, xã TL khiếu nại UBND huyện TT, về việc áp dụng đơn giá bồi thường không đúng. Tại quyết định giải quyết khiếu nại (gọi tắt: QĐGQKN) số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện TT không chấp nhận khiếu nại của các hộ dân. Không đồng ý với QĐGQKN, ông A và ông Tr đại diện cho các hộ dân gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, nội dung: Đất ở của 54 hộ dân xã TL nằm ở vị trí 1, khu vực 2, nhưng UBND huyện TT xác định vị trí 3, khu vực 2, là không đúng; UBND huyện TT không áp giá bồi thường theo Quyết định số 4307/2004/UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh quy định đơn giá các loại đất là không đảm bảo quyền lợi cho các hộ dân. Ngày 30/3/2018 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1096/QĐ-UBND với nội dung: Khiếu nại

của ông Bùi Ngọc Tr và ông Bùi Quang A là không có cơ sở. Không đồng ý với các QĐGQKN nói trên, ông Bùi Quang A cùng với 54 hộ dân khởi kiện, đề nghị: Hủy Quyết định GQKN số 1096/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định GQKN số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 Chủ tịch UBND huyện TT. Yêu cầu áp giá bồi thường lại cho gia đình ông A theo khu vực 1, vị trí 1, theo Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa; Nghị định số 188 của Chính phủ; Luật Đất đai năm 2003.

2. Người bị kiện.

2.1. Chủ tịch UBND và UBND tỉnh Thanh Hóa có quan điểm: Tháng 01/2018, ông Bùi Ngọc Tr và ông Bùi Quang A đại diện cho 54 hộ dân ở xã TL, có đơn khiếu nại đối với QĐGQKN số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện TT, nội dung: Đất ở của 54 hộ dân xã TL nằm ở vị trí 1, khu vực 2, nhưng UBND huyện TT khi thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng dự án đường Hồ Chí Minh (năm 2005) đã xác định vị trí 3, khu vực 2 là không đúng. Căn cứ Quyết định số 1531/2003/QĐ-UBND ngày 16/5/2003, Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa. UBND huyện TT ban hành hai Quyết định để phân khu vực, vị trí đất ở của các xã trên địa bàn huyện TT: Tại Quyết định số 88/2004/QĐ-UBND ngày 10/3/2004, Quyết định số 900/2005/QĐ-UBND ngày 15/8/2005. UBND huyện TT áp dụng khoản 1, Mục III, Phần B của "Bảng phân loại đường và vị trí để xác định giá đất" ban hành kèm theo Quyết định, xác định đất tại khu vực dọc đường Hồ Chí Minh thuộc xã TL là đất thuộc vị trí 1, đường loại III (giá đất ở 35.0000/m²), không phân thành các khu vực 1, 2, 3. Căn cứ Quyết định số 4043/QĐ-CT ngày 15/12/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, về việc phê duyệt dự toán bồi thường dự án đường Hồ Chí Minh từ Km 95 + 600 đến Km 100 qua xã TL, xác định bồi thường giá đất ở cho các hộ dân xã TL là 35.000đ/m^2. Ngày 30/12/2004, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4307/2004/ QĐ-UBND, về việc "Qui định giá các loại đất" để thay thế Quyết định số 1531/2003/QĐ-UBND ngày 16/5/2003 và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 3207/TB-UB ngày 16/8/2004: "Do xã TL ở địa bàn giáp ranh với tỉnh Hòa Bình và là xã đặc biệt khó khăn, nên TN giá đền bù thiệt hại đối với những hạng mục mà đơn giá đền bù của tỉnh Thanh Hóa thấp hơn với đơn giá đền bù của tỉnh Hòa Bình thì cho áp dụng đơn giá của tỉnh Hòa Bình". Ngày 15/02/2005, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số 457/QĐ-CT, về việc phê duyệt điều chỉnh tăng dự toán bồi thường dự án đường Hồ Chí Minh từ Km 95 + 600 đến Km 100 qua xã TL, đã điều chỉnh tăng mức bồi thường về giá đất ở cho tất cả các hộ dân được tăng thêm 5.000đ/m^2 (từ 35.000 đ/m^2 lên 40.000/m^2). Ngày 23/02/2005, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 526/QĐ-CT, về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung tăng dự toán bồi thường dự án đường Hồ Chí Minh từ Km 95 + 600 đến Km 100 qua xã TL, đã điều chỉnh tăng mức bồi thường về giá đất vườn, đất nông nghiệp và tăng thêm mức hỗ trợ đời sống. Đối với đất ở, tất cả các hộ dân của xã TL đều được áp dụng đơn giá cùng vị trí như nhau, với

mức 40.000đ/m^2 là mức giá cao nhất của địa bàn xã TL (tương ứng với vị trí 3 của khu vực 1, xã Miền núi theo Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh). Việc Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện TT bồi thường đất ở cho 54 hộ dân của xã TL, mức giá 40.000đ/m^2 tại thời điểm tháng 02/2005, là có lợi cho dân theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 3207/TB-UB ngày 16/8/2004, đúng với mức giá qui định tại Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh, đúng với Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 30/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Do vậy, việc các công dân đòi được áp giá bồi thường đất ở theo vị trí 1, khu vực 2, xã Miền núi và khiếu nại "UBND huyện TT bồi thường đất ở cho 54 hộ dân xã TL, huyện TT không theo đơn giá đất qui định tại Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa" là không có cơ sở. Ngày 30/3/2018, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1096/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại của của ông Bùi Ngọc Tr và ông Bùi Quang A đại diện cho 54 hộ dân ở xã TL, huyện TT (trong đó có ông Bùi Quang A). Việc ông Bùi Quang A khiếu nại là không có cơ sở.

2.2. Chủ tịch UBND và UBND huyện TT có quan điểm: Về hồ sơ quản lý đất đai: Từ năm 2003 trở về trước tại khu vực thôn Đ, thôn B, thôn TN, xã TL không có hồ sơ quản lý đến từng thửa đất. Đến năm 2003, khi thực hiện dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ mới có: "Sơ đồ tuyến đường Hồ Chí Minh" tại xã TL từ Km 95+600 đến Km 100, được Sở Tài nguyên và Môi trường(viết tắt: TN&MT tỉnh Thanh hóa phê duyệt. Trên sơ đồ này, phản ánh hiện trạng đường mòn Hồ Chí Minh cũ và chỉ giới giải phóng mặt bằng(viết tắt: GPMB) xây dựng đường Hồ Chí Minh mới. Hiện trạng đường Hồ Chí Minh trước khi thực hiện dự án là đường đất, có chiều rộng khoảng 4-5m. Thời điểm bắt đầu kiểm kê tại xã TL vào tháng 3/2004 (áp dụng Luật đất đai 1993 sửa đổi năm 2001), GPMB xong tháng 2/2005, thông tuyến đưa vào sử dụng năm 2007. Về căn cứ xác định vị trí đất và áp giá bồi thường: Tất cả các hộ đều được xác định vị trí 1 của đường loại III và áp giá theo gạch đầu dòng thứ 4, tại khoản 1, mục III của Quyết định số 88/2004/QĐ-UBND ngày 10/3/2004 của UBND huyện TT, giá đất ở là 35.000đ/m^2. Cơ sở để UBND huyện ban hành Quyết định quy định bảng giá đất, là Quyết định số 1531/2003/QĐ-UBND ngày 16/5/2003 của UBND tỉnh, về việc: "quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa", tại Điều 3 giao cho Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố căn cứ tiêu chuẩn phân loại đường phố, thuộc phạm vi quản lý làm cơ sở xác định giá đất và mức thu tiền đất. UBND huyện TT căn cứ vào điều kiện phát triển hạ tầng của từng khu vực, nhóm các xã thành các khu vực, từ đó phân ra các loại đường để xác định giá đất. Tại Quyết định số 4307/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh, Điều 2 vẫn giao cho UBND các huyện tiến hành phân vùng, phân hạng, phân vị trí, phân loại đất để làm cơ sở áp giá, ngày 15/8/2005 UBND huyện ban hành Quyết định số 900/2005/QĐ-UBND quy định giá đất tại thôn TN là 40.000đ/m^2, thôn Đ và thôn B là 22.000đ/m^2. Về

việc phê duyệt bồi thường: Dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh tại huyện TT do UBND tỉnh phê duyệt, tại các Quyết định số 4043/QĐ-CT ngày 15/12/2004, số 4025/QĐ-CT ngày 24/12/2004, số 457/QĐ-UBND ngày 15/02/2005 và số 526/QD-CT ngày 23/02/2005. UBND huyện TT không ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, UBND huyện chỉ tham gia thành viên Ban GPMB, trình UBND tỉnh ký và trực tiếp chi trả đền bù, sau khi có khiếu nại thì Chủ tịch UBND huyện ban hành QĐGQKN số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018. Hiện nay có 54 hộ dân đang khiếu kiện chưa đồng ý với giá bồi thường về đất, trong đó, hộ ông Bùi Quang A bị thu hồi 1291m^2 đất nông nghiệp trồng màu, tại thửa số 159, tờ bản đồ số 06 và thửa 201, tờ bản đồ số 08; 433m^2 đất vườn tại thửa 166, tờ bản đồ 07, theo Quyết định thu hồi đất số 4043 QD-UB ngày 15/12/2004. Hội đồng bồi thường GPMB, áp giá bồi thường cho ông A theo giá bồi thường của phân hạng đất nông nghiệp và tiến hành chi trả hết tiền cho hộ ông Bùi Quang A. Việc xác định vị trí, giá đất đối với hộ ông A là đúng quy định của pháp luật.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND xã TL trình bày: TN với quan điểm giải quyết của UBND huyện TT và không bổ sung thêm.

3.2. Bà Đinh Thị M (vợ ông A); anh Bùi Hồng B: TN như ý kiến và các yêu cầu của ông Bùi Quang A.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2020/HC-ST ngày 09/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, đã quyết định: Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 116; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính. Căn cứ Điều 39 Luật Đất đai 2003. Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ. Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ. Điều 18; Điều 21; Điều 31; Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011. Bác đơn khởi kiện của ông Bùi Quang A yêu cầu hủy Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện TT và Quyết định số 1096/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Ngọc Tr, ông Bùi Quang A và một số công dân xã TL, huyện TT; bác yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thực hiện bồi thường lại đối với đất của hộ ông Bùi Quang A. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/3/2020, người khởi kiện là ông Bùi Quang A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Bùi Quang A, ông Bùi Ngọc Tr, bà Đinh Thị M, anh Bùi Hồng B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện là Chủ tịch UBND và UBND tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND và UBND huyện TT, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của Uỷ ban nhân dân xã TL, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đồng thời gửi luận cứ có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Bùi Quang A.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Bùi Quang A và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Tòa án cấp sơ thẩm tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của ông Bùi Quang A gửi trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[1.2]. Ngày 20/11/2018, ông Bùi Quang A khởi kiện đề nghị hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1096/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; Ngày 07/4/2019, khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện TT, đây là quyết định của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại về đất đai, liên quan đến các quyết định phê duyệt phương án bồi thường của UBND tỉnh Thanh Hóa, đối với các hộ dân bị A hưởng bởi dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh qua xã TL từ Km 95+600 đến Km100, A hưởng trực tiếp đến 54 hộ dân tại xã TL, trong đó việc bồi thường đất của hộ ông A được phê duyệt tại Quyết định số 526/QĐ-CT ngày 23/02/2005, có liên quan chặt chẽ đến nội dung khiếu nại của hộ ông A, cần phải được xem xét. Ông A khởi kiện trong thời hạn một năm kể từ ngày nhận được, biết được QĐGQKN, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3]. Về thời hiệu giải quyết khiếu nại, quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với các hộ bị A hưởng bởi dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh, tại xã TL từ Km 95+600 đến Km 100, được UBND tỉnh ban hành từ năm 2004 đến

năm 2006, trong đó hộ ông A được phê duyệt bồi thường về đất tại Quyết định số 4043/QĐ-CT ngày 15/12/2004 và số 526/QĐ-CT ngày 23/02/2005, ông A đã nhận bồi thường. Ngày 24/11/2017, ông Tr và ông A đại diện cho 54 hộ khiếu nại về đơn giá bồi thường đất. Theo quy định tại Điều 9; khoản 6 Điều 11 Luật Khiếu nại là quá thời hiệu khiếu nại. Tuy nhiên, do thời gian thực hiện dự án đã lâu, UBND huyện TT không có căn cứ chứng minh việc thực hiện việc niêm yết công khai phương án bồi thường, hoặc các hộ đã được nhận quyết định phê duyệt phương án bồi thường hay chưa. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm kiến nghị đối với UBND huyện TT rút kinh nghiệm về vấn đề này là có căn cứ.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tính hợp pháp của các quyết định bị khởi kiện:

[2.1.1]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành: Quyết định giải quyết khiếu nại số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện TT; Quyết định giải quyết khiếu nại số 1096/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 18, Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.1.2]. Về vị trí, loại đất bị thu hồi: Thực hiện dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh, tại Quyết định số 3506/QĐ-UBND ngày 04/11/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, ban hành kèm theo Tờ trình số 348/TTr-UB ngày 18/6/2004 của UBND huyện TT. Hộ gia đình ông Bùi Quang A bị thu hồi 1291m^2 đất nông nghiệp trồng màu tại thửa số 159, tờ bản đồ số 06 và thửa 201, tờ bản đồ số 08 và 433m^2 đất vườn tại thửa 166, tờ bản đồ 07. Năm 2004, Hội đồng Bồi thường GPMB huyện TT đã tiến hành kiểm kê xong, đồng thời chi trả hết tiền cho hộ ông Bùi Quang A. Tại thời điểm kiểm kê, áp giá, chi trả bồi thường cho hộ gia đình ông A, UBND huyện TT chưa quy định phân loại đất theo khu vực 1, 2, 3 và vị trí 1, 2, 3 của khu vực tương ứng. Hội đồng Bồi thường GPMB huyện TT áp dụng: "Bảng phân loại đường và vị trí để xác định giá đất", ban hành kèm theo Quyết định số 88/2004/QĐ-UBND ngày 10/3/2004 của UBND huyện TT, là đúng quy định của pháp luật. Khiếu nại của gia đình ông Bùi Quang A là không có căn cứ.

[2.1.3]. Về việc áp giá bồi thường đất ở: Tại Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 16/5/2003 của UBND tỉnh Thanh Hóa chỉ quy định khung giá đất dân cư nông thôn đối với xã miền núi có giá thấp nhất là 5.600đ/m^2, cao nhất là 16.100đ/m^2 và tại Điều 2 của Quyết định này: "Giao cho Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố căn cứ tiêu chuẩn phân loại đường phố để quy định loại đường phố thuộc phạm vi quản lý làm cơ sở xác định giá đất và mức thu tiền đất". Theo đó, ngày 10/3/2004, UBND huyện TT đã ban hành Quyết định số 88/QĐ-UBND về việc: "quy định giá các loại đất", trong đó khu vực dọc đường Hồ Chí Minh tại xã TL thuộc vị trí 1 của đường loại III, có giá 35.000đ/m^2. Chủ tịch UBND tỉnh Thanh

Hóa đã ban hành Quyết định số 4043/QĐ-CT ngày 15/12/2004 phê duyệt giá bồi thường về đất ở cho các hộ dân ở xã TL là 35.000đ/m^2. Xuất phát từ tình hình của xã TL là xã đặc biệt khó khăn, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đã có Văn bản số 3207/TB-UBND ngày 16/8/2004 chỉ đạo nâng mức giá bồi thường thiệt hại và hỗ trợ theo đơn giá giáp ranh của tỉnh Hòa Bình. Ngày 30/12/2004, UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số 4307/QĐ-UBND về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để thay thế Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 16/5/2003. Vì vậy, ngày 15/02/2005, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 457/QĐ-CT, về việc phê duyệt điều chỉnh tăng dự toán bồi thường dự án đường Hồ Chí Minh qua xã TL về đất ở cho tất cả các hộ thêm 5.000đ/m^2. Như vậy, các hộ gia đình có đất ở bị thu hồi được bồi thường về đất ở là 40.000đ/m^2 tại thời điểm tháng 02/2005, cao hơn đơn giá tại Quyết định số 88/2004/QĐ-UBND ngày 10/3/2004 của UBND huyện TT và bằng với giá đất ở vị trí 3, khu vực 1, xã miền núi theo Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa (cũng là 40.000đ/m^2).

[2.1.4]. Về áp giá bồi thường đất vườn, đất nông nghiệp: Tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định: "Giá đất bồi thường là giá theo mục đích sử dụng tại thời điểm có quyết định thu hồi". Theo đó, hộ ông A được kiểm kê tháng 3/2004, ngày 04/11/2004 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3506/QĐ-UBND về việc thu hồi đất giao cho BQLDA 5 - Bộ Giao thông Vận tải để xây dựng đường Hồ Chí Minh từ Km 95+600 đến Km100, trong đó có hộ ông A. Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 4043/QĐ-CT ngày 15/12/2004 phê duyệt giá bồi thường về đất ở cho các hộ dân ở xã TL. Ngày 30/12/2004, UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số 4307/QĐ-UBND về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để thay thế Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 16/5/2003. Hộ gia đình ông A được bồi thường đất sản xuất nông nghiệp, cụ thể: theo danh sách số thứ tự 66 được bồi thường công trình trên đất là 3.456.000đồng, bồi thường đất là 18.683.490đồng, đền bù hoa mầu là 1.704.120đồng, tổng số tiền nhận là 23.843.610đồng. Ngày 24/12/2004, tại Quyết định số 4205/QĐ-CT phê duyệt dự án đền bù hộ ông Bùi Quang A, số thứ tự 59 được đền bù 103.280đồng. Ngày 23/02/2005, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 526/QĐ-CT phê duyệt điều chỉnh dự toán bồi thường về giá đất vườn, đất nông nghiệp và tăng thêm mức hỗ trợ đời sống, hộ ông Bùi Quang A, số thứ tự 22 được bồi thường đất 1.762.310 đồng, hỗ trợ di chuyển và đời sống 1.378.000đồng, tổng số tiền là 3.140.310đồng. Hộ ông Bùi Quang A đã nhận toàn bộ số tiền bồi thường *(bản án sơ thẩm có sự nhầm lẫn diện tích, loại đất, số tiền)*. Hội đồng Bồi thường GPMB huyện TT đã thực hiện việc kiểm đếm, áp giá bồi thường đối với hộ ông A được đảm bảo quyền lợi, đúng chính sách, đúng đơn giá theo quy định. Như vậy, hộ gia đình ông A được bồi thường tại thời điểm tháng 02/2005, cao

hơn đơn giá tại Quyết định số 88/2004/QĐ-UBND ngày 10/3/2004 của UBND huyện TT. Do vậy, việc hộ ông A yêu cầu áp dụng đơn giá bồi thường theo Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa là không phù hợp, vì tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất thì Quyết định 4307 chưa có hiệu lực thi hành.

[3]. Về yêu cầu áp giá bồi thường đất ở diện tích 433m^2: Đối với yêu cầu của ông A được tính diện tích 433m^2 đất vườn trên đất có mồ mả, tại thửa 166, tờ bản đồ 07, bằng giá đất ở là không có căn cứ. Vì không có qui định về giá đất có mồ mả, việc chôn cất mồ mả trên đất vườn là do gia đình ông A tự phát, không phải do được qui hoạch. Mặt khác, ông A cũng đã nhận tiền hỗ trợ di dời mồ mả, không có khiếu nại gì.

[4]. Tại các Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện TT; Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Ngọc Tr, ông Bùi Quang A và một số công dân xã TL, huyện TT đã không chấp nhận khiếu nại là có căn cứ. Toà án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu của Bùi Quang A đề nghị huỷ các quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên; bác yêu cầu được áp giá bồi thường lại cho gia đình ông A là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Quang A, không chấp nhận quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

[5]. Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa, có căn cứ và được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Hộ ông A thuộc xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt biệt khó khăn, là đối tượng được trợ giúp pháp lý nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Bác yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Quang A.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2020/HC-ST ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

3. Về án phí: Ông Bùi Quang A không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND Cấp cao tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;*
- *Các Đương sự;(theo Địa chỉ)*
- *Lưu Hồ sơ; HCTP.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đặng Đình Lực